

Xuân Phúc, ngày 02 tháng 06 năm 2024

**NỘI DUNG CÔNG KHAI**  
**Cuối năm học 2024 - 2025**

(Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024)

**Phần I**

**CÔNG KHAI CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Xuân Tiên

**2. Địa chỉ trụ sở:**

- Địa chỉ: Xóm 05, xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

- Điện Thoại: 02286293215

- Email: mamnonxuantien@gmail.com

- Website: <http://mnxuantien.namdinh.edu.vn>

**3. Loại hình cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non công lập

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:**

4.1. Sứ mạng:

Tạo dựng được môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện giúp giáo viên chủ động, sáng tạo, trách nhiệm với công việc, yêu thương, công bằng với trẻ; giáo dục theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.

Quy tụ đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, vững chuyên môn, có trách nhiệm và tận tâm và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Hình thành cho trẻ tính tự lập, tự tin, có ngôn ngữ mạch lạc, hành vi văn minh, có kỹ năng học tập sẵn sàng vào lớp 1. Hình thành ở trẻ giá trị Yêu thương - Tôn trọng - Trung thực - Hợp tác - Chia sẻ; thích nghi mọi hoàn cảnh trong cuộc sống.

4.2. Tầm nhìn:

Là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em; là nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

Tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, trẻ biết sáng tạo, có năng lực tư duy.

#### 4.3. Mục tiêu:

Xây dựng cơ sở vật chất nhà trường có đầy đủ phòng học và các phòng chức năng và trang thiết bị dạy học.

Đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt KĐCLGD, chuẩn Quốc gia và trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Duy trì ổn định quy mô nhà trường, tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục xóa mù chữ.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Tăng cường chuyên đổi số, ứng dụng CNTT trong dạy - học và công tác quản lý.

Đổi mới sáng tạo công tác quản lý; nâng cao vị thế, uy tín của nhà trường; xây dựng và phát triển nhà trường theo hướng an toàn, thân thiện, dân chủ và hiện đại.

#### 5. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường mầm non Xuân Tiến được thành lập từ tháng 10 năm 1997. Trường nằm ở phía Bắc của xã Xuân Phúc, cách trung tâm xã khoảng 3,5km. Khi thành lập trường thuộc loại hình trường bán công, đến tháng 9 năm 2010 theo Quyết định của UBND tỉnh Nam Định trường chuyển đổi sang loại hình trường mầm non công lập.

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Quyết định số: 611/QĐ-UBND ngày 30/3/2017); kiểm định chất lượng cấp độ 3 (Quyết định số: 16/QĐ-SGDĐT ngày 24/1/2019); đạt chuẩn trường xanh, sạch, đẹp, an toàn (Quyết định số: 2066/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022).

Tập thể nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định tặng Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021 - 2022

Trường có 1 tổ chức Đảng: Chi bộ gồm 28 Đảng viên và trực thuộc Đảng bộ xã Xuân Phúc. Tổ chức Đoàn TNCSHCM: BCH gồm 02 đ/c, có 05 đoàn viên. Các tổ chức như Chi đoàn, Ban ĐDCMHS, đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng năm học. Chi ủy, chi bộ được công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” của Đảng ủy xã, huyện Xuân Trường.

Trong những năm qua Trường mầm non luôn chấp hành và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà

nước, nghiêm túc thực hiện chính sách GDMN. Nhà trường đã và đang từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và khẳng định được uy tín của nhà trường. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ, hàng năm nhà trường luôn tích cực tham gia các hội thi do ngành tổ chức và đạt được thành tích cao.

Trường Mầm non Xuân Tiến xác định rõ mục tiêu phấn đấu cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời có các biện pháp xây dựng và phát triển cho các năm sau.

#### **6. Thông tin đại diện pháp luật:**

Họ và tên: Phạm Thị Nho

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Xuân Tiến, xã Xuân Phúc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

Điện Thoại: 0979458660

Email: [phamnhopt@gmail.com](mailto:phamnhopt@gmail.com)

#### **7. Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 1675b/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của UBND huyện Xuân Trường về việc chuyển đổi trường Mầm non bán công sang trường Mầm non công lập;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường:

Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND huyện Xuân Trường về việc kiện toàn và công nhận thành viên Hội đồng trường học nhiệm kỳ 2021 – 2025;

c) Quyết định điều động, luân chuyển, bổ nhiệm CBQL:

Quyết định số 3686/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND huyện Xuân Trường về việc luân chuyển và bổ nhiệm hiệu trưởng đối với bà Phạm Thị Nho;

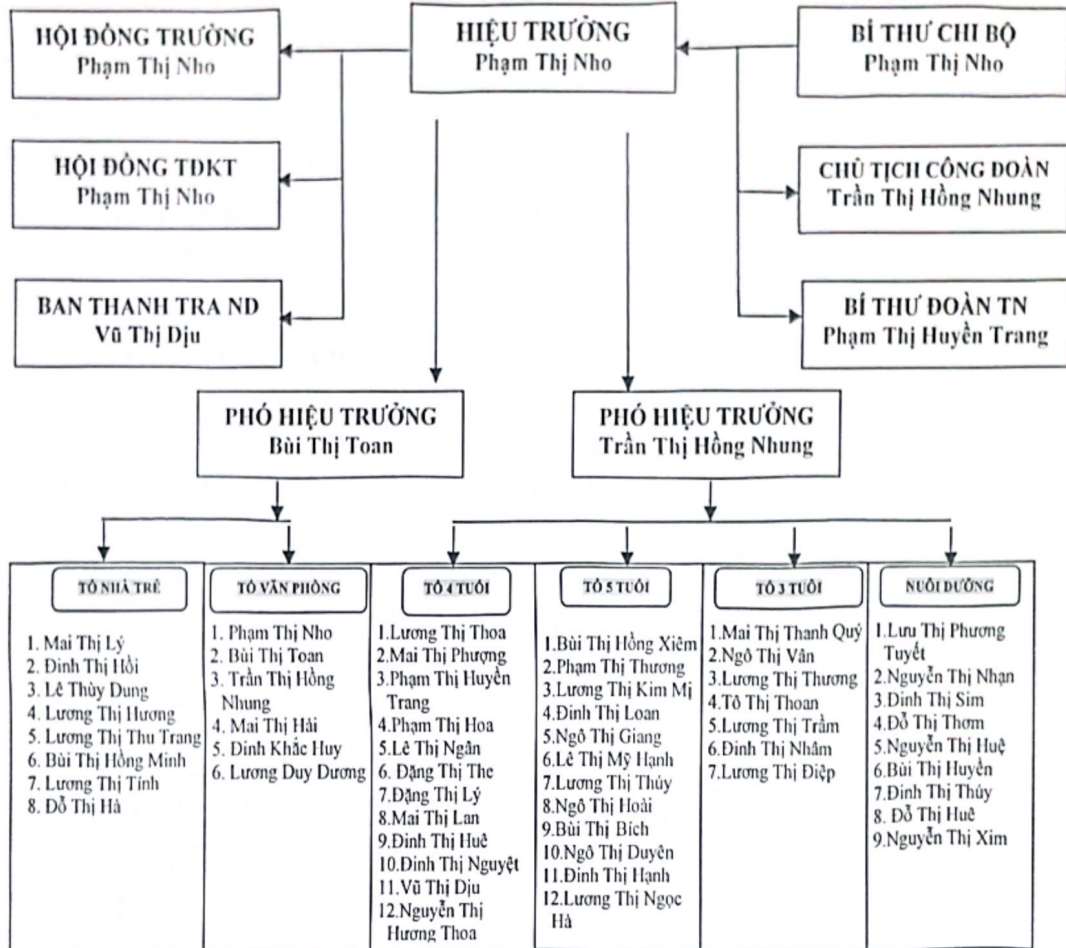
Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Xuân Trường về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học đối với bà Bùi Thị Toan;

Quyết định số 4171/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Xuân Trường về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học đối với bà Trần Thị Hồng Nhung;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường:

Quyết định số 138/QĐ-TMNXT ngày 17/9/2024 của trường Mầm non Xuân Tiến về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Mầm non Xuân Tiến.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường:**



e) Các văn bản khác: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2024 - 2029 số 148/KHCL- TMNXT ngày 01/10/2024.

Quyết định ban hành Quy chế dân chủ năm học 2024 - 2025 số 128/QĐ-TMNXT ngày 14/9/2024;

Quyết định ban hành Quy chế làm việc năm học 2024 - 2025 số 127/QĐ-TMNXT ngày 14/9/2024.

Quyết định ban hành Quy chế thi đua năm học 2024 - 2025 số 126/QĐ-TMNXT ngày 14/9/2024.

Quyết định ban hành Quy tắc ứng xử năm học 2024 - 2025 số 129/QĐ-TMNXT ngày 14/9/2024.

Quyết định ban hành Quy chế thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công và chi thường xuyên từ NSNN năm học 2024 - 2025 số 137/QĐ-TMNXT ngày 16/9/2024.

## II. THU, CHI TÀI CHÍNH.

### 1. Tình hình tài chính của năm trước liền kề.

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	<b>Các khoản thu phân theo:</b>	6.629.112.000	7.575.330.000
	Ngân sách Nhà nước cấp	6.361.632.000	7.402.395.000
	Học phí và các khoản thu khác từ người học	267.480.000	172.935.000
	Nguồn tài trợ	0	0
2	<b>Các khoản chi phân theo:</b>	6.629.112.000	7.575.330.000
	Chi lương và thu nhập	5.981.177.000	727.569.000
	Cơ sở vật chất và dịch vụ	641.580.000	303.761.000
	Chi hỗ trợ người học	0	0
	Chi khác	6.355.000	0

### 2. Các khoản thu và mức thu đối với người học:

Thông báo các khoản thu, mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025 và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

### 3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Học kỳ I năm học 2024 - 2025:

Tổng số học sinh được hỗ trợ ăn trưa: 3

Tổng số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 0

Tổng số học sinh được miễn giảm học phí: 3

Học kỳ II năm học 2024 - 2025:

Tổng số học sinh được hỗ trợ ăn trưa: 2

Tổng số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập:

Tổng số học sinh được miễn giảm học phí: 2

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): *Không có*

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: *Không có*

## Phần II

### CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MÀM NON

#### I. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MÀM NON

##### 1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Đạt chuẩn nghề nghiệp		Hoàn thành BDTX hàng năm		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	54			31	12	2	9				
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>40</b>			<b>27</b>	<b>12</b>	<b>1</b>		<b>40</b>	<b>100</b>	<b>36</b>	<b>100</b>
1	Nhà trẻ	9			5	3	1		9	100	8 (1 miễn)	100
2	Mẫu giáo	31			22	9			31	100	28 (3 miễn)	100
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>				<b>3</b>	<b>100</b>	<b>3</b>	<b>100</b>
1	Hiệu trưởng	1			1				1	100	1	100
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2	100	2	100
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>11</b>			<b>1</b>		<b>1</b>	<b>9</b>				
1	Nhân viên văn thư	0										
2	Nhân viên kế toán	1			1							
3	Thủ quỹ	0										
4	Nhân viên y tế	0										
5	Nhân viên nấu ăn	8					1	7				
6	Bảo vệ	2						2				

##### 2. Thông tin về cơ sở vật chất.

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng diện tích đất toàn trường (m <sup>2</sup> )	6695 m <sup>2</sup>	6695 m <sup>2</sup>
	Số điểm trường	02	02

	Bình quân số m <sup>2</sup> /trẻ em	10,7 m <sup>2</sup>	13,4 m <sup>2</sup>
<b>2</b>	<b>Số lượng, hạng mục các khối phòng</b>	<b>28</b>	<b>28</b>
<b>2.1</b>	<b>Số lượng các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ</b>	<b>21</b>	<b>21</b>
	Phòng học	21	21
	Phòng vệ sinh	21	21
	Phòng ngủ	0	0
	Phòng kho chứa đồ	21	21
<b>2.2</b>	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Phòng nghệ thuật	0	0
	Phòng thư viện	0	0
	Phòng thể chất	0	0
	Phòng khác	0	0
<b>2.3</b>	<b>Khối phòng tổ chức nuôi ăn</b>	<b>03</b>	<b>03</b>
	Nhà bếp	02	02
	Nhà kho thực phẩm	01	01
	Phòng khác ( kho ga)	0	0
<b>2.4</b>	<b>Khối phòng hành chính quản trị</b>	<b>04</b>	<b>04</b>
	Phòng Hiệu trưởng	0	0
	Phòng phó hiệu trưởng	0	0
	Văn phòng	01	01
	Phòng hành chính quản trị	0	0
	Phòng y tế	01	01
	Phòng truyền thống		
	Phòng nhân viên	01	01
	Phòng bảo vệ	01	01
	Phòng khác	0	0
<b>2.5</b>	<b>Công trình phụ trợ</b>		
	Nhà xe	02	02
	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	01	01
	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	01	01
	Hệ thống kết nối internet	02	02
	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	01	01
	Tường rào xây	02	02
<b>3</b>	<b>Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có</b>	<b>09</b>	<b>09</b>
<b>4</b>	<b>Số lượng đồ chơi ngoài trời</b>	<b>24</b>	<b>24</b>

<b>5</b>	<b>Một số thiết bị khác</b>		
	- Máy chiếu	01	01
	- Tivi	20	20
	- Máy tính	16	15
	- Máy in	12	12
	- Âm ly	01	01
	- Loa nén	01	01
	- Loa kéo	01	01

### **3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục**

3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non tự đánh giá kiểm định chất lượng Cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

3.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

- Kết quả đánh giá và công nhận:

+ Nhà trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non cấp độ 3 theo Quyết định số 16/QĐ-SGDĐT ngày 24/1/2019 của SGDĐT tỉnh Nam Định.

+ Trường được công nhận lại là trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Nam Định.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng:

+ Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng hàng năm: Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2024 - 2025.

**4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp:** Không thực hiện

## **II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học.**

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh năm học 2024 - 2025.

b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024-2025; kế hoạch giáo dục tháng; kế hoạch tuần ...

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

d. Thực đơn hàng ngày của trẻ.

đ. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định: Không

**2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.**

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số nhóm lớp	21	21
2	Tổng số trẻ em	628	621
3	Số trẻ em bình quân/nhóm lớp	29,9	29,6
4	Số trẻ em học nhóm, lớp ghép	0	0
5	Số trẻ em học 2 buổi /ngày	628	621
6	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	628	621
7	Số trẻ em được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	628	621
8	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt PCGDMNCTE 5T	Đạt PCGDMNCTE 5T
9	Số trẻ em khuyết tật		1

**3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không thực hiện.**

**Nơi nhận:**

- Trang Website của trường; (để công khai)
- Lưu VT.

